

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LAI VUNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2022/DS-ST

Ngày: 05- 4-2022.

V/v tranh chấp dân sự về hợp  
đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Phát Triển;

Ông Đặng Văn Hai.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Phát Đạt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp – Bà Phan Bích Liễu - Kiểm sát viên.*

Ngày 5 tháng 4 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2021/TLST-DS ngày 04/5/2021, “V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2022/QĐST-DS ngày 14/3/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Hữu T - *Sinh năm:* 1957; *Địa chỉ:* 328/11 ấp H T, xã T D, huyện L V, tỉnh Đ T.2. *Bị đơn:*

2.1. Nguyễn Thị Châu L - *Sinh năm:* 1972; *Địa chỉ:* 229 ấp L B, xã H L, huyện L V, tỉnh Đ T.

2.2 Lê Tâm C - *Sinh năm:* 1966; *Địa chỉ:* 229 ấp L B, xã H L, huyện L V, tỉnh Đ T; Hiện đang chấp hành án tại Trại Giam Cao Lãnh, Cục C10 Bộ Công an, ấp 6, xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Thị P, sinh năm: 1958; *Địa chỉ:* 328/11 ấp H T, xã T D, huyện L V, tỉnh Đ T. Ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu T - *Sinh năm:* 1957; *Địa chỉ:* 328/11 ấp H T, xã T D, huyện L V, tỉnh Đ T.3. Người làm chứng:

3.1. Nguyễn Thị U (U H) -*Sinh năm:* 1978; *Địa chỉ:* 328 ấp H T, xã T D, huyện L V, tỉnh Đ T.

3.2. Nguyễn Thị Kim H -*Sinh năm:* 1969; *Địa chỉ:* 328A ấp H T, xã T D, huyện L V, tỉnh Đ T.

3.3. Nguyễn Thị Kim C -*Sinh năm:* 1964; *Địa chỉ:* ấp M Đ B, xã M T,

huyện C L, tỉnh Đ T.

3.4. Nguyễn Thu H -*Sinh năm*: 1972; *Địa chỉ*: 232A ấp L H, xã L H, huyện L V, tỉnh Đ T.

3.5. Nguyễn Văn H -*Sinh năm*: 1969; *Địa chỉ*: 231A ấp L H, xã L H, huyện L V, tỉnh Đ T.

3.6. Huỳnh Đức Sơn -*Sinh năm*: 1962; *Địa chỉ*: 541 khóm 1, thị trấn L V, huyện L V, tỉnh Đ T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Hữu T đồng thời là đại diện theo ủy quyền cho bà Huỳnh Thị P trình bày:

Vào ngày 21/11/2004 Nguyễn Thị Châu L, Lê Tâm C vay của Nguyễn Hữu T, Huỳnh Thị P 400.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/01 tháng, thời hạn vay thỏa thuận bằng lời nói là 02 tháng, mục đích vay trả tiền xây nhà, từ khi vay không có trả tiền vốn, tiền lãi, Nguyễn Hữu T có đòi nhiều lần nhưng chưa trả, do là anh em ruột với Châu L nên không khởi kiện đến Tòa án, nay mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Số tiền vay là của Nguyễn Hữu T có 200.000.000 đồng, mượn mẹ là bà Võ Thị K 20.000.000 đồng, mượn Nguyễn Thị U 120.000.000 đồng, mượn của Nguyễn Thị Kim H 60.000.000 đồng, số tiền do Nguyễn Hữu T mượn tự thỏa thuận giải quyết không có yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án này.

Nguyễn Hữu Tâm, Huỳnh Thị P yêu cầu Nguyễn Thị Châu L, Lê Tâm C liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho Nguyễn Hữu T, Huỳnh Thị P vốn vay 400.000.000 đồng, tiền lãi không yêu cầu. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Theo Đơn khởi kiện yêu cầu tiền lãi từ ngày 21/11/2004 đến 21/03/2021 là 196 tháng x 400.000.000 đồng x 0,5% lãi 392.000.000 đồng, nhưng nay thay đổi yêu cầu, không yêu cầu tiền lãi.

\* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị Châu L trình bày: Nguyễn Thị Châu L với Lê Tâm C là vợ chồng, Nguyễn Thị Châu L là em ruột của Nguyễn Hữu T. Vợ chồng không có vay mượn tiền gì của Nguyễn Hữu T, vào năm 2004 Lê Tâm C nợ rất nhiều người, những người chủ nợ khởi kiện Tòa án nhân dân huyện Lai Vung giải quyết, do sợ thi hành án hết tài sản nên Lê Tâm C thỏa thuận với Nguyễn Hữu T là ghi giấy Biên nhận không ngày 21/11/2004 vợ chồng Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L vay Nguyễn Hữu T 400.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/01tháng, Biên nhận này do Lê Tâm C viết đem về nhà cho Nguyễn Thị Châu L ký tên vào biên nhận này, lúc

đầu Nguyễn Thị Châu L không chịu ký tên nhưng Lê Tâm C nói là nếu thi hành án bán tài sản thì Nguyễn Hữu T nhận số tiền này rồi trả lại cho vợ chồng Lê Tâm C cho nên Nguyễn Thị Châu L mới đồng ý ký tên vào biên nhận ngày 21/11/2004. Sau khi ký biên nhận Lê Tâm C đưa biên nhận này cho ai giữ thì Nguyễn Thị Châu L không biết. Lê Tâm C có kêu Nguyễn Hữu T khởi kiện ra Tòa án đòi số nợ này vào năm 2004 để thi hành án chia tài sản rồi Nguyễn Hữu T trả tiền lại cho vợ chồng Lê Tâm C nhưng do nộp tiền án phí nhiều nên Nguyễn Hữu T không có khởi kiện, không có tiền nộp tiền tạm ứng án phí. Thời gian vợ chồng Nguyễn Thị Châu L xây nhà vào cuối năm 2003 không có thiếu tiền nên không có mượn, vay tiền gì ông Nguyễn Hữu T. Những người làm chứng có Huỳnh Đức Sơn, Nguyễn Thu H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Kim C có nghe Nguyễn Thị Châu L với Lê Tâm C nói có nhờ Nguyễn Hữu T ký biên nhận không ngày 21/11/2004 để thi hành án có một khoảng tiền đưa lại cho vợ chồng Nguyễn Thị Châu L. Đối với hai người làm chứng là Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị U là chị em nhưng có mâu thuẫn với Nguyễn Thị Châu L nên lời khai không khách quan, không đúng sự thật.

Biên nhận ngày 21/11/2004 vợ chồng Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L vay Nguyễn Hữu T 400.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/01tháng là Biên nhận không, thực tế không có việc vay, giao nhận tiền nên từ khi làm biên nhận đến nay không có việc thỏa thuận trả tiền vốn hay tiền lãi. Do Nguyễn Thị Châu L khởi kiện tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất với Nguyễn Hữu T nên Nguyễn Hữu T lấy biên nhận không này khởi kiện vợ chồng Nguyễn Thị Châu L. Nguyễn Thị Châu L không biết gì, không nhận sử dụng số tiền này nên không đồng ý trả theo yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T, vợ chồng Nguyễn Thị Châu L không có vay tiền, không có nợ gì Nguyễn Hữu T nên không đồng ý trả bất cứ yêu cầu nào của Nguyễn Hữu T. Do Lê Tâm C tự làm biên nhận nên tự chịu trách nhiệm trả nợ.

\* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ bị đơn Lê Tâm C trình bày: Ông Lê Tâm C với bà Nguyễn Thị Châu L là vợ chồng và là em rể của ông Nguyễn Hữu T. Lê Tâm C cho rằng vợ chồng ông không có nợ bất cứ khoảng tiền nào của Nguyễn Hữu T, trước đây vào khoảng 2003, năm 2004 Lê Tâm C có mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ba vợ là ông Nguyễn Văn Đ để vay Ngân hàng 120.000.000 đồng nhưng do làm ăn thất bại nên không có khả năng trả, ông Nguyễn Văn Đ phải trả nợ thay cho Lê Tâm C, Lê Tâm C ghi biên nhận nợ ông Nguyễn Văn Đ 200.000.000 đồng, năm 2005 khi bị bề nợ thì ông

Nguyễn Văn Đ đã khởi kiện ra Tòa án và số tiền này đã được giải quyết xong, do Lê Tâm C thiếu nợ nhiều người tổng cộng khoảng 1.800.000.000 đồng, tài sản của Lê Tâm C chỉ có 136.000.000 đồng nên ghi biên nhận không là nợ Nguyễn Hữu T 400.000.000 đồng để tỉ lệ khi thi hành án cao có tiền để trả số tiền nợ cho Nguyễn Văn Đ, biên nhận ghi ngày 21/11/2004 nhưng ngày tháng là không đúng vì khoảng tháng 7 năm 2005 Lê Tâm C mới bẻ nợ, thực tế biên nhận ghi khoảng tháng 7/2005 nhưng ghi thời gian lùi lại là 21/11/2004. Thực tế là năm 2005 Lê Tâm C không có nợ Nguyễn Hữu T nên Nguyễn Hữu T không có khởi kiện ra Tòa án, vào năm 2004 số tiền 400.000.000 đồng là số tiền lớn Nguyễn Hữu T không có tiền để cho vợ chồng Lê Tâm C mượn, đến nay do có mâu thuẫn trong tranh chấp tài sản chia thừa kế với Nguyễn Thị Châu L nên mới lấy biên nhận ngày 21/11/2004 để khởi kiện vợ chồng Lê Tâm C. Đối với Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Thị Udo Lê Tâm C mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp vay Ngân hàng nhưng không có khả năng trả, ông Nguyễn Văn Đ phải trả nợ thay nên có mâu thuẫn với vợ chồng Lê Tâm C, lời khai của hai người này không đúng sự thật. Biên nhận ngày 21/11/2004 vay 400.000.000 đồng là do Lê Tâm C viết, ký tên ghi rõ họ tên và đem về nhà cho Nguyễn Thị Châu L ký tên ghi họ tên vào biên nhận này nhưng thực tế biên nhận này là biên nhận không nhưng Lê Tâm C không có tài liệu chứng cứ hay ai thấy ai biết để chứng minh biên nhận này là giả. Lê Tâm C không đồng ý trả nợ vay là 400.000.000 đồng theo yêu cầu của Nguyễn Hữu T, nhưng nếu Tòa án buộc trả thì Lê Tâm C chịu trách nhiệm trả số nợ này, số nợ này không liên quan đến Nguyễn Thị Châu L. Lê Tâm C có ý kiến xin Tòa án xét xử vắng mặt.

\* Người làm chứng Nguyễn Thị Utheo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa trình bày: Cuối năm 2004 Lê Tâm C có đến nhà cha mẹ ruột của tôi, anh Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L hỏi vay tiền anh Nguyễn Hữu T vì xây nhà còn thiếu nợ, Nguyễn Thị Châu L thì hay bệnh nên khó khăn tiền bạc, anh Nguyễn Hữu T đồng ý cho mượn nhưng không đủ tiền, anh Nguyễn Hữu T hỏi mượn tôi 120.000.000 đồng, hỏi mượn chị Nguyễn Thị Kim H 60.000.000 đồng, mẹ ruột 20.000.000 đồng vài ngày sau anh Lê Tâm C đến nhà cha mẹ ruột ở Tân Dương, tại đây anh Nguyễn Hữu T giao 400.000.000 đồng trực tiếp cho Lê Tâm C, anh Lê Tâm C viết biên nhận khoảng 01 tuần sau anh Lê Tâm C đem biên nhận có chữ ký Nguyễn Thị Châu L đến giao cho Nguyễn Hữu T. Nhà tôi gần nhà anh Nguyễn Hữu T và gần nhà cha mẹ ruột, anh em thân thiết với nhau nên việc mượn giao nhận tiền tôi có chứng kiến thấy trực tiếp.

Chị Nguyễn Thị Châu L cho rằng Biên nhận ghi ngày 21/11/2004 số tiền vay 400.000.000 đồng là biên nhận không, là không đúng thực tế.

Đối với việc anh Nguyễn Hữu T vay tiền của tôi 120.000.000 đồng số tiền

này giữa tôi với anh Nguyễn Hữu T, tôi không khởi kiện tranh chấp gì trong vụ án này.

\* Người làm chứng Nguyễn Thị Kim H theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa trình bày: cuối năm 2004 anh Lê Tâm C có đến nhà cha mẹ ruột của tôi, Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L hỏi vay tiền anh Nguyễn Hữu T vì cất nhà còn thiếu nợ, Nguyễn Thị Châu L thì hay bệnh nên khó khăn tiền bạc, Nguyễn Hữu T đồng ý cho mượn nhưng không đủ tiền, anh Nguyễn Hữu T hỏi mượn Nguyễn Thị U 120.000.000 đồng, hỏi mượn tôi 60.000.000 đồng, mẹ ruột 20.000.000 đồng vài ngày sau Lê Tâm C đến nhà cha mẹ ruột ở Tân Dương, tại đây anh Nguyễn Hữu T giao 400.000.000 đồng trực tiếp cho Lê Tâm C, Lê Tâm C viết biên nhận khoảng 01 tuần sau Lê Tâm C đem biên nhận có chữ ký Nguyễn Thị Châu L đến giao cho anh Nguyễn Hữu T. Nhà tôi gần nhà anh Nguyễn Hữu T và gần nhà cha mẹ ruột, anh em thân thiết với nhau nên việc mượn giao nhận tiền tôi có chứng kiến thấy.

Chị Nguyễn Thị Châu L cho rằng Biên nhận ghi ngày 21/11/2004 số tiền vay 400.000.000 đồng là biên nhận không, là không đúng thực tế.

Đối với việc anh Nguyễn Hữu T vay tiền của tôi 60.000.000 đồng số tiền này giữa tôi với anh Nguyễn Hữu T, tôi không khởi kiện tranh chấp gì trong vụ án này.

\* Người làm chứng Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thu H, Nguyễn Văn H, Huỳnh Đức Sơn theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ trình bày:

Ông Huỳnh Đức Sơn không biết gì về việc vay mượn gì giữa Nguyễn Hữu T với Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L.

Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thu H, Nguyễn Văn H có nghe Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L nói là Lê Tâm C có làm biên nhận không nợ Nguyễn Hữu T 400.000.000 đồng, nếu ai thừa kiện thì anh Nguyễn Hữu T cũng khởi kiện và phần 400.000.000 đồng thuộc về gia đình của Lê Tâm C.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật, buộc bị đơn Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L liên đới trả số tiền vay vốn là 400.000.000 đồng, không phải trả tiền lãi là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn Hữu T, Huỳnh Thị P khởi kiện yêu cầu Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L trả tiền nợ vay, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng

vay tài sản. Các đương sự không có yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện nên không xem xét. Bị đơn cư trú tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Tâm C vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ hai, có ý kiến xin Tòa án giải quyết vắng mặt, những người làm chứng vắng mặt lần thứ 2 căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Lê Tâm C và những người làm chứng.

[2] Về nội dung: Nguyễn Hữu T, Huỳnh Thị P khởi kiện yêu cầu Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L trả tiền vay còn nợ là 400.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Chứng cứ chứng minh là Biên nhận ghi ngày 21/11/2004 có chữ ký tên ghi rõ họ tên Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L và Nguyễn Thị Út, Nguyễn Thị Kim H trực tiếp thấy việc vay mượn giao nhận số tiền 400.000.000 đồng. Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L cho rằng biên nhận ngày 21/11/2004 là biên nhận không có thật, vợ chồng Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L không có nợ bất cứ khoảng tiền nào của Nguyễn Hữu T, Huỳnh Thị P nhưng không có bất cứ tài liệu chứng cứ hay ai thấy ai biết để chứng minh cho lời trình bày của mình là đúng sự thật, đối với những người làm chứng như Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thu H, Nguyễn Văn H là có nghe Lê Tâm C nói lại, thực tế không thấy trực tiếp việc thỏa thuận hay khi ghi biên nhận giữa Nguyễn Hữu T với Lê Tâm C thể hiện biên nhận ngày 21/11/2004 là biên nhận không.

Xét tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự thể hiện Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L nợ Nguyễn Hữu T, Huỳnh Thị P số tiền vay 400.000.000 đồng đến nay chưa trả, chứng cứ chứng minh là Biên nhận ghi ngày 21/11/2004 là do Lê Tâm C viết, có chữ ký tên ghi rõ họ tên Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L đồng thời Nguyễn Thị Út, Nguyễn Thị Kim H có lời khai phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L cho rằng biên nhận ngày 21/11/2004 là không, thực tế không có nhưng không có bất cứ tài liệu chứng cứ hay ai thấy ai biết để chứng minh cho lời trình bày của mình là đúng sự thật, người làm chứng cũng chỉ nghe Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L nói lại nên không có căn cứ để chấp nhận. Từ những nhận định và phân tích trên, xét yêu cầu của Nguyễn Hữu T, Huỳnh Thị P là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Hữu T, Huỳnh Thị P về việc yêu cầu Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L trả tiền vay vốn còn nợ là 400.000.000 đồng.

[3] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về tạm ứng án phí, án phí: Ông Nguyễn Hữu T có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí và thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí, nên không phải nộp tạm ứng án phí là phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 95, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Hữu T, Huỳnh Thị P về việc yêu cầu Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L liên đới trả nợ.

2. Buộc Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L liên đới trả cho Nguyễn Hữu T, Huỳnh Thị P tiền vốn vay còn nợ là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí, tạm ứng án phí:

Lê Tâm C, Nguyễn Thị Châu L liên đới phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (5/4/2022). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CCTHADS huyện Lai Vung;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Bích Huyền**